

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN ĐÔNG NHỊ GOOD NEWS

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN ĐÔNG NHỊ GOOD NEWS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG NHI GOOD NEWS REAL ESTATE INVESTMENT SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DONG NHI GOOD NEWS REAL ESTATE INVESTMENT SERVICES., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109517822

**3. Ngày thành lập:** 02/02/2021

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 15, Ngõ 304 Đường Di Trạch, Thôn Vực, Xã Di Trạch, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0855856789

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                         | 6810(Chính) |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Tư vấn, môi giới bất động sản.<br>- Quản lý bất động sản                                                                                                                                                                                                                                            | 6820        |
| 3.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6619        |
| 4.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3320        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649        |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>chi tiết: - Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu; - Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; - Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu; (Không kinh doanh vàng)                                                                                                                                                                                                | 4662 |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4663 |
| 11. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0810 |
| 12. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2395 |
| 13. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2396 |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4752 |
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                              | 4759 |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4932 |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4933 |
| 18. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5224 |
| 19. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7710 |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu | 7730 |
| 21. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7911 |
| 22. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4641 |
| 23. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4753 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299 |
| 25. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1420 |
| 26. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1622 |
| 27. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3100 |
| 28. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4101 |
| 29. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4102 |
| 30. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4211 |
| 31. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4212 |
| 32. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4221 |
| 33. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4222 |

|     |                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                       | 4223 |
| 35. | Xây dựng công trình công ích khác                                        | 4229 |
| 36. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                               | 4299 |
| 37. | Xây dựng công trình thủy                                                 | 4291 |
| 38. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                    | 4293 |
| 39. | Phá dỡ                                                                   | 4311 |
| 40. | Chuẩn bị mặt bằng                                                        | 4312 |
| 41. | Lắp đặt hệ thống điện                                                    | 4321 |
| 42. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí    | 4322 |
| 43. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                           | 4329 |
| 44. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                           | 4330 |
| 45. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                      | 4390 |
| 46. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                | 5510 |
| 47. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng | 5621 |
| 48. | Dịch vụ ăn uống khác                                                     | 5629 |
| 49. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                  | 5630 |
| 50. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                           | 7410 |
| 51. | Xây dựng công trình khai khoáng                                          | 4292 |
| 52. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                    | 8130 |

**6. Vốn điều lệ:** 68.686.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÝ BÁ ĐÔNG      | Số nhà 10, Ngõ 173 Thôn Dền, Xã Di Trạch, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 5.494.880  | 54.948.800.000        | 80,000    | 111828279                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 5.494.880  | 54.948.800.000        | 80,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VƯƠNG TIẾN TÙNG | Số nhà 128 Thôn Dền, Xã Di Trạch, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông         | 686.860    | 6.868.600.000         | 10,000    | 017455863                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 686.860    | 6.868.600.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                      |                                                                                 |                                    |         |               |        |                  |
|---|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | PHẠM THỊ<br>KIM NGÂN | Thôn Dâu 1, Xã<br>Di Trạch, Huyện<br>Hoài Đức, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 686.860 | 6.868.600.000 | 10,000 | 0011840213<br>47 |
|   |                      |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                 | Tổng số                            | 686.860 | 6.868.600.000 | 10,000 |                  |
|   |                      |                                                                                 |                                    |         |               |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÝ BÁ ĐÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 19/10/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111828279

Ngày cấp: 10/11/2009 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 10, Ngõ 173 Thôn Dền, Xã Di Trạch, Huyện  
Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 10, Ngõ 173 Thôn Dền, Xã Di Trạch, Huyện Hoài Đức, Thành  
phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội